

<b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường	<b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Iodine</b>	MSDS: 30 16/10/2012
--	--	------------------------

Trang phục bảo hộ	Nhãn	HMSI (USA)								
		<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="background-color: #0000FF; color: white;">Health</td> <td style="text-align: right; color: white;">3</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FF0000; color: white;">Fire</td> <td style="text-align: right; color: white;">0</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FFFF00; color: black;">Reactivity</td> <td style="text-align: right; color: black;">0</td> </tr> <tr> <td style="background-color: #FFFFFF; color: black;">Personal Protection</td> <td style="text-align: right; color: black;">J</td> </tr> </table>	Health	3	Fire	0	Reactivity	0	Personal Protection	J
Health	3									
Fire	0									
Reactivity	0									
Personal Protection	J									

### 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

<b>Tên gọi:</b> iodine <b>Tên thương mại:</b> <b>Số CAS:</b> 7553-56-2 <b>Số UN:</b> <b>Số đăng ký EC:</b> <b>Tên nhà sản xuất:</b> <b>Mục đích sử dụng:</b> phân tích hóa độc chất môi trường trong phòng thí nghiệm.	<b>Đơn vị sử dụng:</b> VIỆN VỆ SINH - Y TẾ CÔNG CỘNG TP. HỒ CHÍ MINH Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường 159 Hưng Phú, P.8, Q.8, TP.HCM Điện thoại: (84)(08)38559503 -38559719 <b>Liên hệ khẩn cấp:</b> Cháy nổ: 114 Cấp cứu: 115
--	--

### 2. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT

Tên thành phần hóa chất	CAS-Number	Công thức cấu tạo	% theo khối lượng
Iodine	7553-56-2	I <sub>2</sub>	100

### 3. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

<p><b>- Tác động cấp tính</b></p> <p><b>Tiếp xúc với mắt:</b> rất nguy hại, có thể làm tổn thương giác mạc hay mù. Triệu chứng như mắt đỏ, chảy nước mắt, ngứa.</p> <p><b>Nuốt phải:</b> rất nguy hại.</p> <p><b>Hít phải:</b> rất nguy hại. Sự hít phải bụi hóa chất có thể gây kích ứng cho dạ dày hay phần trên hệ hô hấp. Triệu chứng như: cảm giác bỏng, hắt hơi và ho. Nếu tiếp xúc quá liều có thể gây ra tổn thương phổi, nghẹt thở, bất tỉnh và chết.</p> <p><b>Tiếp xúc với da:</b> rất nguy hại (kích ứng) cho đến ít nguy hại. Sự tổn thương da tùy thuộc vào thời gian tiếp xúc. Các tổn thương như bỏng, phỏng dộp. Triệu chứng da bị bỏng như ngứa, tấy đỏ, tróc da, thỉnh thoảng phỏng dộp.</p>
---

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30          16/10/2012</p>
<p>- <b>Tác động mãn tính</b>  <i>Gây ung thư:</i> không có giá trị.  <i>Gây đột biến gen:</i> không có giá trị.  <i>Gây quái thai:</i> không có giá trị.  <i>Độc tính phát triển:</i> không có giá trị.          Hóa chất gây độc cho phôi thai. Hóa chất có thể gây độc cho máu, thận, gan, da, mắt. Tiếp xúc kéo dài và lặp lại có thể làm tổn thương cơ quan trong cơ thể. Tiếp xúc với mắt ở nồng độ bụi thấp có thể gây ra kích ứng mắt. Tiếp xúc da nhiều lần sẽ làm viêm, phá hủy tế bào da. Hít thở nhiều lần sẽ gây kích ứng hay tổn thương phổi tùy theo mức độ tiếp xúc.</p>		
<p><b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU Y TẾ</b></p>		
<p>- <b>Tiếp xúc với mắt</b>          Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút, phải rửa bằng nước ấm. Gọi cấp cứu ngay.</p> <p>- <b>Tiếp xúc với da</b>          Phải rửa ngay với nhiều nước ít nhất 15 phút, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn. Xoa chỗ da tiếp xúc với thuốc làm mềm da. Quần áo phải được tẩy giặt trước khi sử dụng lại. Gọi sự trợ giúp y tế.          Trong trường hợp nặng, rửa với xà phòng khử trùng và xoa chỗ vùng da tiếp xúc với kem chống khuẩn. Gọi sự trợ giúp y tế.</p> <p>- <b>Hít thở</b>          Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...          Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân.          Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát.          Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.</p> <p>- <b>Nuốt vào</b>          Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, nếu nạn nhân bất tỉnh, thực hiện hô hấp hồi sức, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...</p>		
<p><b>5. DỮ LIỆU VỀ CHÁY NỔ</b></p>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30          16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặt tính cháy của hóa chất:</b> không cháy.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tự bốc cháy:</b> không có.</li> <li>- <b>Điểm bốc cháy:</b> không có.</li> <li>- <b>Giới hạn có thể cháy:</b> không có.</li> <li>- <b>Sản phẩm cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Nguy cơ cháy khi có sự hiện diện các vật chất khác:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Nguy cơ nổ khi có sự hiện diện các vật chất khác</b>  <i>Tác động cơ học:</i> không có giá trị.  <i>Tác động tĩnh:</i> không có giá trị.</li> <li>- <b>Chỉ dẫn chữa cháy:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Lưu ý với nguy cơ cháy:</b> hóa chất gây cháy khi tiếp xúc với bromine, chlorine triflouride,... kim loại (dạng bột) + nước, hợp kim aluminum-titanium + nhiệt, acetylide kim loại, ...không kim loại, ...sodium phosphinate. Phản ứng cháy sáng với cesium oxide (&gt; 150°C), bromine triflouride, metal acetylides hay carbides (vd: barium acetylide (&gt;122°C), calcium acetylide (&gt;305°C), strontium acetylide (&gt;182°), zirconium acetylide (&gt;400°C). Magnesium cháy mãnh liệt khi có hơi iodine. Iodine kết hợp với fluoride ở nhiệt độ thường tạo ngọn lửa phát quang.</li> <li>- <b>Lưu ý với nguy cơ nổ:</b> phản ứng nổ với: bột hafnium + nhiệt; tetraamine cooper (II) sulfate + ethanol; trioxxygen diflouride; polyacetylene (113°C); potassium; sodium; butadiene + ethanol + mercuric oxide;</li> </ul>		
<p><b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức nhỏ</b>              Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác.</li> <li>- <b>Trường hợp tràn đổ, rò rỉ mức lớn</b>              Hóa chất ăn mòn nếu rò rỉ thì cần phải ngăn lại. Không để nước chảy vào thùng chứa. Không được chạm vào hóa chất đổ tràn. Sử dụng tia nước để hạn chế bay hơi. Ngăn hóa chất xâm nhập vào hệ thống cống, tầng hầm hay khu vực hạn chế. Gọi trợ giúp khi xử lý sự cố. Cần cẩn trọng với hóa chất khi nồng độ cao hơn TLV.</li> </ul>		
<p><b>7. BẢO QUẢN VÀ TÒN TRỮ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Sự đề phòng</b></li> </ul>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30          16/10/2012</p>
<p>Giữ thùng chứa khô. Không được nuốt hay hít thở bụi. Không bao giờ cho nước vào hóa chất. Ở nơi thiếu oxy hay thông thoáng, trang bị thiết bị hô hấp phù hợp. Nếu nuốt phải, cần phải gặp bác sĩ. Tránh để tiếp xúc với da và mắt. Trữ hóa chất cách xa những tác chất không tương thích như chất oxi hóa, chất khử, kim loại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tồn trữ</b>              Đóng chặt nắp, giữ thùng chứa ở nơi thoáng mát. Trữ ở nhiệt độ <math>\leq 25^{\circ}\text{C}</math>.</li> </ul>		
<p><b>8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Kiểm soát kỹ thuật</b>              Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân:</b> kính bảo hộ, tạp dề, mặt nạ ngăn bụi và khí, găng tay.</li> <li>- <b>Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn:</b> kính bảo hộ, trang phục bảo hộ toàn bộ, mặt nạ ngăn bụi và khí, ủng, găng tay. Có thể sử dụng thiết bị trợ hô hấp nếu cần. Tham khảo ý kiến chuyên gia trước khi xử lý sự cố.</li> <li>- <b>Giới hạn tiếp xúc:</b> STEL: 1 (mg/m<sup>3</sup>) bởi ACGIH (TLV) US.</li> </ul>		
<p><b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Trạng thái và hình dạng vật lý:</b> thể rắn.</li> <li>- <b>Mùi:</b> cay nồng.</li> <li>- <b>Vị:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Khối lượng phân tử:</b> 253,81 g/mole.</li> <li>- <b>Màu:</b> rắn màu tím ánh kim (tối).</li> <li>- <b>pH (1% dung môi/nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Điểm sôi:</b> điểm phân hủy: 184,4°C.</li> <li>- <b>Điểm tan chảy:</b> 113,7°C.</li> <li>- <b>Nhiệt độ tới hạn:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Trọng lượng riêng:</b> 4,93 (nước = 1).</li> <li>- <b>Áp suất bay hơi:</b> không áp dụng.</li> <li>- <b>Tỉ trọng bay hơi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Sự bay hơi:</b> không có giá trị.</li> </ul>		

<p style="text-align: center;"><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30 16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Ngưỡng mùi:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Hệ số phân phối nước/dầu:</b> hóa chất dễ tan trong dầu; log (dầu/nước) = 2,5.</li> <li>- <b>Ionicity (trong nước):</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Tính chất phân tán:</b> hòa tan trong nước, methanol, diethyl ether.</li> <li>- <b>Sự hòa tan:</b> dễ dàng hòa tan trong diethyl ether. Hòa tan trong methanol. Rất ít hòa tan trong nước lạnh và nước nóng.</li> </ul>		
<p><b>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Độ ổn định:</b> hóa chất ổn định.</li> <li>- <b>Nhiệt độ gây không ổn định:</b> không có giá trị.</li> <li>- <b>Những điều kiện gây không ổn định:</b> nhiệt, ánh sáng trực tiếp, hóa chất không tương thích.</li> <li>- <b>Những hóa chất không tương thích:</b> phản ứng với chất oxy hóa, chất khử, kim loại.</li> <li>- <b>Tính ăn mòn:</b> vô cùng ăn mòn thép, thép không gỉ (304), (316). Không ăn mòn thủy tinh, nhôm, đồng.</li> <li>- <b>Poly hóa:</b> không xảy ra.</li> <li>- <b>Lưu ý về phản ứng của hóa chất:</b> <i>Hóa chất không tương thích</i> với dung dịch chlorine, acetaldehyde, ammonia, muối + ethanol, ammonium hydroxide, methy alcohol, antinmony, sliver azide, lithium, potasssium , sodium, phosphorous, bromine pentafluoride, fluorine, oxygen difluoride, magnesium, dung môi hữu cơ, sản phẩm cao su, nhựa, kẽm, nhôm, kim loại kiềm, sulphur, dung dịch ammonia, bromine trifluoride. Các chất khử: sắt, ethanol + butadiene; ethanol + phosphorous; ethanol + methanol + HgO; foramide+ pyridine + sulfur trioxide; formamide; halogens hay interhalogens; thủy ngân oxít; kim loại carbides; oxygen; pyridine; sodiumhydride. Phản ứng mạnh với nhôm + diethyl ether ... (và) titanium (&gt; 113°C).</li> </ul>		
<p><b>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đường đi vào:</b> tiếp xúc mắt, hít thở, tiêu hóa.</li> <li>- <b>Độc tính lên động vật:</b> liều độc cấp tính qua đường miệng LD<sub>50</sub>: 14000 (mg/kg) ở chuột.</li> <li>- <b>Ảnh hưởng mãn tính lên con người:</b> gây tổn thương ở phôi thai, máu, thận, gan, da, mắt.</li> <li>- <b>Ảnh hưởng độc tính lên con người:</b> vô cùng độc hại tới da (ăn mòn, kích ứng), nuốt hay hít phải. Độc hại tới da (gây nhạy hay thâm tháu), tiếp xúc mắt (ăn mòn), ít độc hại cho da (thâm tháu).</li> </ul>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b> <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b> Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b> <b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30 16/10/2012</p>
<p>- <b>Lưu ý độc tính khác cho con người</b> <i>Độc cấp tính:</i> Da: ăn mòn da, gây kích ứng, phỏng, tạo ra những thương tổn sâu và vết nhuộm màu nâu. Có thể hấp thụ vào da. Mắt: gây ra kích ứng và phỏng. Gây ra viêm màng kết. Nếu tiếp xúc với hơi hóa chất, có thể làm phỏng cảm giác ở mắt, làm chảy nước mắt, bông mí mắt. Nếu tiếp xúc hơi hóa chất nồng độ cao, có thể làm tróc biểu mô sừng Hô hấp: hít hơi iodine có thể làm kích ứng phần trên hệ hô hấp, mũi và màng nhày. Triệu chứng bao gồm ho, căng lồng ngực, làm bong cảm giác ở niêm mạc, khí quản, mô phổi, viêm mũi, đau đờn khó thở, ho, hắt hơi, phù phổi, phù thanh quản và phế quản, viêm họng, nuốt nước bọt thấy đau và suy mòn. Tiếp xúc nồng độ cao có thể dẫn tới các bệnh về phổi và có thể ảnh hưởng đến chức năng thần kinh trung ương (mê sảng, ảo giác, suy nhược, tai biến, đau đầu, ngán ngợ, buồn ngủ). Tiêu hóa: nuốt phải liều cao hóa chất có thể gây ra kích ứng cho vòm miệng như khát nước, buồn nôn, nôn ói, đau bụng, kích động, và tiêu chảy, nhuộm ở môi, thực quản, màng nhày vị kim loại, đau bụng, sốt. Hóa chất cũng ảnh hưởng hệ tim mạch (tim đập mạnh, cao huyết áp, phá hủy hệ tim mạch), hệ thần kinh trung ương, chóng mặt, đau đầu, ảo giác, tai biến. Độc hại trong trường hợp nuốt phải, hít phải, ít nguy hại khi tiếp xúc với da.</p>		
<p><b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b></p>		
<p>- <b>Độc tính sinh thái:</b> không có giá trị. - <b>BOD<sub>5</sub> và COD:</b> không có giá trị. - <b>Sản phẩm phân hủy sinh học:</b> những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại. <b>Độc tính sản phẩm phân hủy:</b> sản phẩm phân hủy không độc tính.</p>		
<p><b>13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ</b></p>		
<p>- Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất. - <b>Biện pháp thải bỏ (áp dụng cho chất thải hóa học nguy hại)</b> <i>Tái sử dụng nếu có thể</i> <i>Thu gom và xử lý dạng rắn</i></p>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ</b>  <b>CÔNG CỘNG TP.HCM</b>          Khoa Xét nghiệm          Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b>  <b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30          16/10/2012</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.</li> </ul> <p><b>Thu gom và xử lý dạng lỏng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dung môi thải, chứa chất hữu cơ, không chứa chất kim loại: thu gom vào thùng riêng. Sau đó được đem đi đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.</li> <li>• Dung dịch chứa kim loại nặng: thu gom vào thùng riêng, được xử lý bằng phương pháp xử lý nước thải thích hợp.</li> <li>• Dung dịch chứa axit, kiềm mà không chứa kim loại: có thể trung hòa và thoát vào cống thoát nước.</li> </ul> <p><b>Xử lý hóa chất dạng hơi:</b> vận hành tủ hút có bộ lọc HEPA hoặc hệ thống quạt hút ra ngoài.</p> <p><u>Chú ý:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nên thu gom theo từng loại xét nghiệm là tốt nhất, có thể chia theo nhóm nhưng chú ý không được trộn lẫn các hóa chất kỵ với nhau (tham khảo trong bảng).</li> <li>- Cố gắng giảm độc tính nguy hại thành chất ít nguy hại hơn.</li> <li>- Chai/lọ đựng hóa chất đã hết hạn có thể sử dụng để đựng chất thải tương ứng của nhóm đó.</li> <li>- Cần ghi rõ thông tin trên mỗi chai/lọ đựng chất thải các thông tin sau: loại chất thải nguy hại (nồng độ nếu có), ngày bắt đầu được thu gom, khoa/phòng có chất thải/ người chịu trách nhiệm thu gom.</li> </ul>		
<p><b>14. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện theo 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009.</li> <li>- <b>Xếp loại DOT:</b> CLASS 8: Corrosive solid.  <b>Nhận dạng:</b> chất rắn ăn mòn, n.o.s (iodine) UN 1759 PG: III.</li> </ul>		
<p><b>15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Quy chuẩn áp dụng</b>          Quy chuẩn Quốc gia: TCVN 5507:2002          Nghị định: số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009</li> <li>- <b>Xếp loại khác</b>  <b>DSCL (EEC):</b> R38-gây kích ứng cho da. R41-nguy cơ tổn thương mắt. S2-đề xa tầm tay trẻ em. S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, rửa mắt với nhiều nước, cần gọi trợ giúp y tế.</li> </ul>		

<p><b>VIỆN VỆ SINH Y TẾ CÔNG CỘNG TP.HCM</b></p> <p>Khoa Xét nghiệm Labo Hóa độc chất môi trường</p>	<p><b>BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN</b></p> <p><b>Iodine</b></p>	<p>MSDS: 30 16/10/2012</p>
<p>S39-mang đồ bảo vệ mắt và mặt. S46- nếu nuốt, nên gọi ngay bác sĩ.</p> <p><b>HMIS (U.S.A.)</b></p> <p>Độc hại sức khỏe: 3 Nguy hiểm cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Bảo vệ cá nhân: J</p> <p><b>National Fire Protection Association (U.S.A.):</b></p> <p>Sức khỏe: 3 Khả năng cháy: 0 Độ hoạt hóa: 0 Độc hại đặc biệt:</p>		
<p><b>16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC</b></p>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thông tin tham khảo:</b> Iodine MSDS – science lab.com,INC, Mỹ</li> <li>- <b>Ngày ghi:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Ngày sửa đổi gần nhất:</b> 16/10/2012</li> <li>- <b>Tổ chức biên soạn:</b> Viện Vệ sinh Y tế Công cộng TP.HCM, Khoa Xét nghiệm, Labo Hóa Độc chất Môi trường.</li> </ul> <p><i>Lưu ý người đọc:</i></p> <p><i>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</i></p> <p><i>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</i></p>		